

Số: 21/2018/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc; thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập; thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan và thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND, ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc; thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập; thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan và thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc; thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập; thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan và thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

(Theo các biểu chi tiết kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVI, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ; Bộ VH-TT&DL;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP, các CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV;
- Báo Lạng Sơn, Công báo tỉnh,
Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm

Biểu 1: ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI THỊ TRẤN CAO LỘC, HUYỆN CAO LỘC
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21 /2018/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới đường bộ (m)	Kết cấu mặt đường
1	Đường 3 tháng 2 (Đã được công bố tại Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh)	Ngã tư Cao Lộc	Cổng nghĩa trang Pò Lèo, huyện Cao Lộc	2200	11	6x2	23	Bê tông nhựa
	Đường 3 tháng 2 kéo dài thêm 139m	Đường sắt giáp ranh với đường Trần Phú, phường Hoàng Văn Thụ	Ngã tư Cao Lộc	139	11	6x2	23	Bê tông nhựa

**Biểu 2: ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TẠI THỊ TRẤN ĐÌNH LẬP, HUYỆN ĐÌNH LẬP**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Tên đường, phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Ghi chú
I	Đặt tên 01 đường, 01 Công trình công cộng							
1	Đường 31 tháng 10	Km53+654,77/quốc lộ 4B (khu 6, thị trấn Đình Lập)	Km55+500/quốc lộ 4B (khu 3 thị trấn Đình Lập)	1.846	6.5	-	-	
2	Cầu Phở Cũ	Km0+250 đường nội thị thị trấn Đình Lập (nằm trên đường Phở Cũ)		31	6.0	2x2		
II	Đổi tên 04 công trình công cộng							
1	Cầu Hạ Lý	Cạnh chợ Đình Lập, Km129+600/quốc lộ 31		34	6	1x2	-	Tên cũ: Cầu Đình Lập
2	Cầu Đình Lập	Cạnh UBND huyện, Km54+600/quốc lộ 4B		46	7	1,25x2	-	Tên cũ: Cầu Đình Lập II
3	Cầu Nà Quan	Km55+271,36/quốc lộ 4B (Khu 2, thị trấn Đình Lập)		46	11	-	-	Tên cũ: Cầu Khe Vuông
4	Cầu Khuổi Siến	Km55+027,28/quốc lộ 4B (Khu 2, thị trấn Đình Lập)		22	11	-	-	Tên cũ: Cầu Khuổi Xuyên

Biểu 3: ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI THỊ TRẤN VĂN QUAN, HUYỆN VĂN QUAN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Vĩa hè	Chỉ giới đường đỏ (m)	Kết cấu mặt đường
1	Đường Lê Quý Đôn	Đường Tân An (Km0+943/đường huyện 54)	Đường Lương Văn Tri (Km28+940/quốc lộ 1B)	950	8.0	4.5x2	17	Bê tông nhựa
2	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lương Văn Tri (Km28+709/quốc lộ 1B)	Đường Lê Quý Đôn (Km0+377/nhánh I)	312	8,0	4.5x2	17	Bê tông xi măng
3	Đường Phùng Chí Kiên	Đường Lương Văn Tri (Km 28+530/quốc lộ 1B)	Giáp chân núi đá	405	8.0	4.5x2	17	Bê tông xi măng
4	Đường Trần Phú	Đường Lương Văn Tri (Km 28+459/quốc lộ 1B)	Cổng trường THPT Lương Văn Tri	425	6	3.0x2	8 - 12	Bê tông xi măng

Biểu 4: ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ TẠI THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND, ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Lạng Sơn)

Số TT	Tên đường, phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Vĩa hè	Chỉ giới đường đỏ	Kết cấu mặt đường
I	Phường Tam Thanh: đặt tên cho 02 tuyến phố							
1	Phố Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Trần Đăng Ninh	Đường Nguyễn Phi Khanh	90	6	2x2	10	Bê tông nhựa
2	Phố Nguyễn Khuyến	Phố Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lê Quý Đôn	90	5	2x2	9	Bê tông xi măng
II	Phường Vĩnh Trại: Đặt tên cho 06 tuyến phố thuộc Khu tái định cư Khối 2 và Khu đô thị Phú Lộc							
1	Phố Phùng Hưng	Đường Bà Triệu	Đường Bắc Sơn	300	8	3x2	14	Bê tông xi măng
2	Phố Trần Xuân Soạn	Phố Phùng Hưng	Nhà văn hóa khối 2 và Trạm Y tế phường Vĩnh Trại	50	8	3x2	14	Bê tông xi măng
3	Phố Đoàn Thị Điểm	Phố Trần Xuân Soạn	Phố Phùng Hưng	291	8	3x2	14	Bê tông xi măng
4	Phố Trương Định	Đường Bùi Thị Xuân	Phố Cao Bá Quát	160	6	3x2	12	Bê tông xi măng
5	Phố Ông Ích Khiêm	Đường Bùi Thị Xuân	Phố Cao Bá Quát	160	6	3x2	14	Bê tông xi măng
6	Phố Cao Bá Quát	Phố Kim Đồng	Đường Hoàng Quốc Việt	202	4	2x2	8	Bê tông xi măng
III	Xã Hoàng Đồng: Đặt tên cho 03 tuyến phố thuộc Khu đô thị Nam Hoàng Đồng							
	Đặt tên cho 03 tuyến phố							
1	Phố Lê Đức Thọ	Phố Đội Cấn	Tuyến số 1 (theo quy hoạch)	987	5,5	3x2	11,5	Bê tông nhựa
2	Phố Lê Trọng Tấn	Phố Đội Cấn	Tuyến số 1 (theo quy hoạch)	584	7,5	3x2	28	Bê tông nhựa
3	Phố Đội Cấn	Trần Đăng Ninh	Tuyến số 31 (theo quy hoạch)	936	7,5x2	5x2	25	Bê tông nhựa
IV	Xã Mai Pha: Đặt tên cho 15 tuyến phố; kéo dài 01 tuyến đường đã có tên.							

	Khu tái định cư I Mai Pha: đặt tên 8 tuyến phố							
1	Phố Mai Pha 1	Đường Hùng Vương	Bãi quay xe (cuối khu dân cư)	394	5,5-8	3	11,5-14	Bê tông nhựa
2	Phố Mai Pha 2	Phố Mai Pha 1	Phố Mai Pha 3	193	8	3	14	Bê tông nhựa
3	Phố Mai Pha 3	Đường Hùng Vương	Phố Mai Pha 1	223	8	3	14	Bê tông nhựa
4	Phố Mai Pha 4	Phố Mai Pha 1	Phố Mai Pha 8	391	8-11	3	14-17	Bê tông nhựa
5	Phố Mai Pha 5	Đường Hùng Vương	Phố Mai Pha 4	97,5	5,5	3	11,5	Bê tông nhựa
6	Phố Mai Pha 6	Phố Mai Pha 1	Phố Mai Pha 4	295	8	3	14	Bê tông nhựa
7	Phố Mai Pha 7	Đường Hùng Vương	Phố Mai Pha 4	103	11	3	17	Bê tông nhựa
8	Phố Mai Pha 8	Phố Mai Pha 1	Phố Mai Pha 4	287,6	8	3	14	Bê tông nhựa
	Khu tái định cư và dân cư Nam thành phố: đặt tên 07 tuyến phố							
9	Phố Nguyễn Chí Thanh	Phố Phạm Hồng Thái	Đường Hùng Vương	480	42	6,5	84	Bê tông nhựa
10	Phố Hồ Xuân Hương	Phố Phạm Hồng Thái	Đường Hùng Vương	492	10,5	4,5	19,5	Bê tông nhựa
11	Phố Trần Quang Diệu	Phố Phạm Hồng Thái	Đường Hùng Vương	425,4	8	4,5	17	Bê tông nhựa
12	Phố Nguyễn Phong Sắc	Phố Phạm Hồng Thái	Đường Hùng Vương	436,55	10,5	4,5	19,5	Bê tông nhựa
13	Phố Phạm Hồng Thái	Đường nội bộ N1A	Phố Nguyễn Phong Sắc	628	8	4,5	17	Bê tông nhựa
14	Phố Mạc Thị Bưởi	Phố Nguyễn Chí Thanh	Phố Nguyễn Phong Sắc	407	6	3,5	13	Bê tông nhựa
15	Phố Nam Cao	Phố Nguyễn Chí Thanh	Phố Nguyễn Phong Sắc	342	6	4,5	15	Bê tông nhựa
	Tuyến đường đã có tên, nay kéo dài: 01 tuyến đường							
16	Đường Bà Triệu	Đầu phía Nam Cầu 17 tháng 10	Ngã ba giao cắt đường Hùng Vương	761	Đ1: 27m; Đ2: 21m	6x2	33-39	Bê tông nhựa
V	Phường Đông Kinh: Đặt tên cho 01 tuyến đường, 01 tuyến phố							
1	Đường Võ Thị Sáu	Giáp Km17+600 quốc lộ 1A	Trường Mầm non 2/9	444	21	3x2	27	Bê tông xi măng
2	Phố Hồ Tùng Mậu	Đường Võ Thị Sáu	Khu nhà ở xã hội	406	7,5	3x2	13,5	Bê tông xi măng